

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 65-CP
ngày 13-10-1995 ban hành Quy
chế Quản lý các hoạt động trong
lĩnh vực đá quý.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản ngày 28 tháng 7 năm 1989;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và ý kiến của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Quản lý các hoạt động trong lĩnh vực đá quý.

Điều 2.-

1. Nghị định này thay thế Nghị định số 67-CP ngày 7-10-1993 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý các hoạt động điều tra địa chất, khai thác mỏ, chế tác và buôn bán đá quý.

2. Khoản b Điều 3 của Điều lệ Quản lý ngoại hối ban hành kèm theo Nghị định số 161-HDBT ngày 18-10-1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) được sửa lại: "Các kim loại quý (vàng, bạc và các kim loại thuộc nhóm bạch kim) khi chuyên ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài chuyên vào Việt Nam". Quy định đá quý (kim cương, nhóm ruby và saphia) là ngoại hối bị bãi bỏ.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ Công nghiệp nặng, Tài chính, Nội vụ, Thương mại, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÔ VĂN KIẾT

**QUY CHẾ Quản lý các hoạt động
trong lĩnh vực đá quý**

*(ban hành kèm theo Nghị định số 65-CP
ngày 13-10-1995).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Đá quý nói trong Quy chế này là các loại khoáng chất tự nhiên có phẩm chất ngọc. Theo giá trị thương mại, đá quý được chia thành 2 nhóm:

- Nhóm 1: Gồm kim cương, ruby, saphia và emơrôt.

- Nhóm 2: Gồm các loại đá quý khác.

Điều 2.- Mọi hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, gia công chế tác đá quý; làm hàng trang sức, mỹ nghệ bằng đá quý; buôn bán và xuất khẩu, nhập khẩu đá quý (sau đây gọi là các hoạt động trong lĩnh vực đá quý) trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân theo các quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 3.- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực đá quý theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 4.- Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với tài nguyên đá quý và các hoạt động trong lĩnh vực đá quý theo Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật; có trách nhiệm bảo vệ các khu vực có đá quý chưa giao cho các đơn vị quản lý; phối hợp với các đơn vị được giao mô bảo vệ các vùng mỏ đang thăm dò, khai thác; ngăn chặn hoạt động khai thác và mua bán đá quý trái phép ở địa phương.

Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi có tài nguyên đá quý được lập quỹ hỗ trợ bảo vệ tài nguyên đá quý. Các đơn vị khai thác đá quý trích nộp 1% (một phần trăm) doanh thu từ đá quý khai thác được cho Ủy ban Nhân dân tỉnh để lập quỹ đó.

Ngoài cân đối chung ngân sách hàng năm được duyệt, Nhà nước để lại cho ngân sách tỉnh 50% (năm mươi phần trăm) số thu từ khoản thuế đánh vào giá trị sản phẩm đá quý khai thác được của các đơn vị khai thác và 50% (năm mươi phần trăm) số thu của Tổng công ty theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này để tỉnh đầu tư phát

triển hạ tầng cơ sở, xây dựng các công trình y tế, giáo dục và văn hóa ở các địa phương có mỏ.

Điều 5.- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam đầu tư vào lĩnh vực đá quý theo Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài được phép đầu tư vào lĩnh vực đá quý theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, trường đại học, đơn vị kinh tế và cá nhân trong nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất thiết bị khai thác, chế tác đá quý; xây dựng cơ sở nghiên cứu về đá quý; đào tạo cán bộ ngọc học và công nhân kỹ thuật gia công chế tác; ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm nâng cao giá trị đá quý của Việt Nam, theo nội dung Nghị định số 35-HDBT ngày 28-1-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác quản lý khoa học và công nghệ.

Điều 6.- Nhà nước thừa nhận quyền sở hữu hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có đá quý dưới dạng nguyên liệu thô, sản phẩm đã gia công chế tác.

Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đá quý theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 7.- Tổng công ty Đá quý và Vàng Việt Nam (sau đây gọi là Tổng công ty) là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập để làm nòng cốt trong việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp đá quý và sản xuất hàng trang sức ở Việt Nam.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Chính phủ phê chuẩn.

Chương II

ĐIỀU TRA ĐỊA CHẤT, KHẢO SÁT, THÂM DÒ MỎ ĐÁ QUÝ

Điều 8.- Bộ Công nghiệp nặng tổ chức thực hiện nghiên cứu, điều tra địa chất đá quý, đánh

giá tiềm năng đa quy trong quá trình nghiên cứu điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản, bằng kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp.

Trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản về tài nguyên đá quý do Bộ Công nghiệp nặng thực hiện, Thủ tướng Chính phủ xét giao cho Tổng công ty những vùng có triển vọng đá quý thuộc nhóm 1 để Tổng công ty tổ chức khảo sát, thăm dò và khai thác.

Tổng công ty tổ chức khảo sát, tìm kiếm đá quý trong các vùng mỏ được giao, theo các quy định của pháp luật, bằng kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp. Công tác thăm dò mỏ do Tổng công ty thực hiện bằng vốn đầu tư của Tổng công ty.

Việc điều tra, khảo sát, thăm dò và khai thác đá quý thuộc nhóm 2 được thực hiện theo các quy định hiện hành đối với khoáng sản rắn.

Điều 9.- Tài liệu địa chất, mẫu vật đá quý thu thập trong quá trình điều tra nghiên cứu, khảo sát, thăm dò địa chất phải được bảo quản đúng theo quy định của pháp luật.

Chương III

KHAI THÁC ĐÁ QUÝ

Điều 10.- Tổng công ty được giao nhiệm vụ tổ chức khai thác các mỏ đá quý thuộc nhóm 1 và tận thu các khoáng sản khác đi kèm; bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, môi sinh trong quá trình khai thác.

Các tích tụ đá quý quy mô nhỏ, phân tán, không tập trung thành mỏ, tổ chức khai thác quy mô công nghiệp hoặc bán thầu không có hiệu quả, được khoanh định ranh giới và giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh sở tại quản lý, tổ chức cho nhân dân địa phương khai thác. Việc khai thác phải bảo đảm an toàn, trật tự, an ninh xã hội và bảo vệ môi trường, môi sinh.

Điều 11.- Các tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam (sau đây gọi là đơn vị), muốn khai thác đá quý thuộc nhóm 1 trong các vùng mỏ đã giao cho Tổng công ty, phải thông qua đấu thầu và ký hợp đồng khai thác phân chia sản phẩm với Tổng công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Tổng công ty trong quá trình khai thác.

Các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài muốn khai thác đá quý thuộc nhóm 1 phải liên doanh

lợi Tổng công ty theo Luật Dầu khí nước ngoài tại Việt Nam và phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12.- Hợp đồng khai thác phân chia sản phẩm được thỏa thuận và ký kết giữa Tổng công ty và đơn vị trúng thầu, phải tuân theo các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, gồm những nội dung chính sau đây:

1. Năng lực pháp lý của tổ chức, cá nhân tham gia ký hợp đồng;
2. Đối tượng của hợp đồng;
3. Thời hạn hợp đồng;
4. Điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc kéo dài thời hạn của hợp đồng;
5. Quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng;
6. Điều kiện chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng;
7. Trách nhiệm bảo vệ môi trường và trật tự, an toàn xã hội trong khi tiến hành khai thác;
8. Thể thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng.

Ngoài ra, các bên ký kết được thỏa thuận các điều kiện khác trong hợp đồng, nhưng không trái với Quy chế này và pháp luật hiện hành.

Điều 13.- Đối tượng đấu thầu là lô đất chứa đá quý nằm trong diện tích đã có đề án khai thác do Tổng công ty lập và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền duyệt, cấp đất khai thác theo quy định của Luật Đất đai. Diện tích các lô đất đấu thầu do Hội đồng Đấu thầu xác định. Nghiêm cấm việc lợi dụng đấu thầu chỉ để buôn bán thầu nhằm thu lợi từ chênh lệch giá.

Điều 14.- Giá đặt thầu là mức giá tối thiểu được chào giá cho mỗi lô đất chứa đá quý, xác định theo một đơn giá thống nhất cho tất cả các lô trong mỗi khu mỏ và được công bố công khai.

Đơn giá đặt thầu được cấu thành bởi các yếu tố: Chi phí điều tra địa chất, khảo sát, thăm dò mỏ; chi phí sử dụng kết cấu hạ tầng phục vụ cho công việc khai thác trong vùng mỏ; tiền thuê đất, thuế tài nguyên khoáng sản tối thiểu và tiền phục hồi môi trường, tiền đền bù hoa màu và các khoản đền bù khác do đơn vị khai thác trả.

Điều 15.- Hội đồng Đấu thầu do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty ký quyết định thành lập riêng cho từng vùng mỏ đá quý, có thành phần gồm: Đại diện Tổng công ty làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Ủy ban Nhân dân tỉnh có mỏ,

Đại diện Bộ Công nghiệp nặng và Đại diện Bộ Tài chính.

Hội đồng Đấu thầu có nhiệm vụ xét duyệt giá đặt thầu do Tổng công ty đề xuất, tiếp nhận hồ sơ dự thầu, mở thầu, công bố kết quả đấu thầu và đơn vị trúng thầu.

Quy chế Đấu thầu mỏ đá quý do Tổng công ty lập, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng phê duyệt.

Điều 16.- Đơn vị trúng thầu chịu mọi chi phí khai thác, bảo vệ nội bộ khu vực khai thác của mình. Giá trị sản phẩm thu được trong quá trình khai thác, sau khi nộp các khoản thuế (trừ thuế tài nguyên đã nộp trước trong giá mua thầu) và các khoản phí khác, được phân chia theo tỷ lệ: Đơn vị khai thác: 85% (tám mươi lăm phần trăm), Tổng công ty: 15% (mười lăm phần trăm).

Những viên đá quý có giá bán đạt từ 1 tỷ đồng, 1 viên trở lên, thì tỷ lệ phân chia là: Đơn vị khai thác 75% (bảy mươi lăm phần trăm), Tổng công ty 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Điều 17. - Tiền thu từ đấu thầu và thu theo hợp đồng khai thác phân chia sản phẩm được ghi thành khoản thu riêng trong các khoản thu của Tổng công ty.

Bộ Tài chính ban hành chế độ thu, nộp ngân sách Nhà nước các nguồn thu của Tổng công ty, sau khi có ý kiến Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. - Sản phẩm đá quý do các đơn vị trúng thầu khai thác phải được nghiệm thu, phân loại, định giá. Loại giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng một viên trở lên, sau khi định giá được niêm phong, bảo quản ở Tổng công ty để bán đấu giá. Loại giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng một viên giao cho đơn vị khai thác hoặc Tổng công ty quản lý, tiêu thụ.

Điều 19. - Tổng công ty có trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật khai thác nhằm tận thu tối đa khoáng sản, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động khai thác của các đơn vị khai thác.

Việc nghiệm thu, phân loại, định giá sản phẩm trong quá trình khai thác do Ban Nghiệm thu thực hiện. Ban Nghiệm thu do Tổng công ty thành lập, có thành phần gồm đại diện cho Tổng công ty và đại diện cho đơn vị khai thác, với số người tham gia của các bên ngang nhau, mỗi bên không ít hơn 2 người.

Điều 20. - Đơn vị khai thác có quyền chuyển quyền khai thác cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của

đơn vị đã ký kết với Tổng công ty. Trường hợp Nhà nước thu hồi hoặc trưng dụng mỏ vì lý do an ninh, quốc phòng, đơn vị khai thác được đền bù theo pháp luật hiện hành.

Chương IV

GIA CÔNG CHẾ TÁC VÀ MUA BÁN ĐÁ QUÝ

Điều 21. - Mọi tổ chức kinh tế, cá nhân Việt Nam muốn gia công chế tác, buôn bán đá quý và làm hàng trang sức, mỹ nghệ bằng đá quý phải thành lập cơ sở sản xuất - kinh doanh, đăng ký hoạt động theo pháp luật.

Điều 22. - Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân thực hiện việc mua, bán đá quý (nguyên liệu thô và đã gia công chế tác) tại các trung tâm đá quý và hàng trang sức của Tổng công ty. Ngoài ra, đá quý chỉ được mua, bán tại trụ sở doanh nghiệp và cửa hàng có giấy phép kinh doanh đá quý, chợ đá quý ở các vùng mỏ do chính quyền địa phương quản lý có sự tham gia của Tổng công ty.

Tổng công ty tổ chức định kỳ các phiên bán đấu giá đá quý trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích xuất khẩu đá quý đã gia công chế tác, hàng trang sức gắn đá quý và nhập khẩu các loại nguyên liệu đá quý để gia công chế tác nhằm mục đích tái xuất khẩu.

Điều 23. - Việc xuất khẩu đá quý có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng trở lên phải có hợp đồng mua bán và hóa đơn bán hàng lập theo mẫu của Bộ Thương mại và Bộ Tài chính, dưới 100 (một trăm) triệu đồng chỉ cần xuất trình hóa đơn bán hàng với Hải quan cửa khẩu. Thuế xuất khẩu do các đơn vị bán hàng nộp theo hợp đồng và hóa đơn bán hàng. Việc nhập khẩu nguyên liệu đá quý để gia công chế tác và tái xuất khẩu không giới hạn về số lượng, phải chấp hành theo các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa.

Bộ Thương mại phối hợp với Tổng cục Hải quan và các cơ quan Nhà nước có liên quan khác ban hành quy định việc quản lý thị trường và xuất khẩu, nhập khẩu đá quý sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính ban hành mẫu biểu hợp đồng và hóa đơn mua bán trong kinh doanh đá quý theo thẩm quyền của mình.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 24. - Mọi hoạt động khảo sát, thăm dò đá quý không tuân theo quy định của Quy chế này và những quy định khác có liên quan của pháp luật; việc vi phạm các quy định hiện hành của pháp luật về bảo mật tài liệu địa chất đá quý phải bị xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Điều 25. - Việc khai thác, gia công chế tác, mua bán và xuất khẩu, nhập khẩu đá quý không tuân theo các quy định của Quy chế này và những quy định khác có liên quan của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong mọi trường hợp, số đá quý buôn lậu, đào đãi trái phép đều bị tịch thu và nộp vào Kho bạc Nhà nước.

Cá nhân, tổ chức có công phát hiện, tố giác và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khai thác trái phép và buôn lậu đá quý được khen thưởng theo quy định chung.

Điều 26. - Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. - Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 28. - Chậm nhất sau 60 ngày, kể từ khi ban hành, các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT